

PHÒNG GIÁO DỤC – ĐÀO TẠO.....

TRƯỜNG TIỂU HỌC



SÁNG KIẾN KINH NGHIỆM

**MỘT SỐ KINH NGHIỆM GIÚP HỌC SINH THỰC HIỆN
TỐT GIẢI TOÁN CÓ LỜI VĂN THEO BỘ SÁCH CÁNH
DIỀU**



Lĩnh vực: ...

Họ và tên tác giả:

Đơn vị:

NĂM HỌC: 202.. – 202..

MỤC LỤC

I - PHẦN MỞ ĐẦU	1
<i>1. Lý do chọn sáng kiến</i>	<i>1</i>
<i>2. Mục đích nghiên cứu</i>	<i>2</i>
<i>3. Đối tượng nghiên cứu</i>	<i>2</i>
<i>4. Phương pháp nghiên cứu</i>	<i>2</i>
II. NỘI DUNG CỦA SÁNG KIẾN KINH NGHIỆM	3
<i>1. Cơ sở lý luận</i>	<i>3</i>
<i>2. Thực trạng của vấn đề trước khi áp dụng sáng kiến kinh nghiệm</i>	<i>3</i>
<i>3. Các biện pháp đã thực hiện để giải quyết vấn đề.</i>	<i>5</i>
<i>Biện pháp 1. Trang bị quy trình cho các dạng bài tập</i>	<i>5</i>
<i>Biện pháp 2: Áp dụng trực tiếp quy trình giải các dạng toán.</i>	<i>15</i>
<i>Biện pháp 3: Ứng dụng việc giải các bài tập trong sách giáo khoa Toán 3 vào thực tiễn đời sống.</i>	<i>19</i>
<i>4. Hiệu quả của sáng kiến đối với hoạt động giáo dục</i>	<i>22</i>
III. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ	23
<i>1. Kết luận</i>	<i>23</i>
<i>2. Kiến nghị</i>	<i>24</i>

I - PHẦN MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn sáng kiến

Bậc Tiểu học là bậc học đặt nền móng trong quá trình hình thành và phát triển nhân cách học sinh. Mỗi môn học ở bậc học Tiểu học đều góp phần vào hình thành và phát triển những cơ sở ban đầu của nhân cách con người. Trong đó, môn Toán là môn học mà kiến thức và kỹ năng có nhiều ứng dụng vào cuộc sống thực tiễn, góp phần rèn luyện trí thông minh, sự nhanh nhạy trong tính toán. Để đáp ứng với sự phát triển của xã hội trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa, thời kỳ công nghệ thông tin phát triển như hiện nay thì môn Toán càng có vai trò quan trọng, giúp người học hình thành nhân cách con người mới xã hội chủ nghĩa, làm việc khoa học, tiếp cận kịp thời với xu thế phát triển của thời đại. Bên cạnh đó, môn Toán còn hỗ trợ nhiều cho việc học tập các môn học khác ở bậc Tiểu học và là nền tảng cho việc học toán ở các bậc học trên.

Trong nội dung chương trình môn toán, phần giải toán có lời văn là một mảng kiến thức có vị trí vô cùng quan trọng. Giúp học sinh củng cố kiến thức, kỹ năng giải toán. Đồng thời giáo viên dễ dàng phát hiện những ưu điểm, những thiếu sót trong kiến thức, kỹ năng của học sinh để giúp các em phát huy những ưu điểm, khắc phục những thiếu sót. Thông qua dạy học giải toán sẽ giúp học sinh hình thành và phát triển khả năng suy luận, lập luận và trình bày các kết quả theo một trình tự hợp lý làm cơ sở cho quá trình học toán ở các lớp cao hơn.

Việc giải toán giúp học sinh luyện được những đức tính và phong cách làm việc của người lao động như ý thức vượt khó, tính cẩn thận, chu đáo, làm việc có kế hoạch, có kiểm tra kết quả cuối cùng. Đồng thời từng bước hình thành và rèn luyện thói quen về khả năng suy nghĩ, tính toán độc lập, khắc phục được tính rập khuôn, xây dựng được tính ham thích, tìm tòi, sáng tạo, phát triển tư duy,... giải toán còn là hoạt động gồm những thao tác như xác lập được mối quan hệ giữa các dữ liệu, giữa cái đã cho và cái phải tìm trong điều kiện của bài toán. Chọn được phép tính thích hợp, trả lời đúng câu hỏi của bài toán.

Thực tế qua nhiều năm trực tiếp giảng dạy ở lớp 3, tôi nhận thấy học sinh khi giải các bài toán có lời văn thường chậm hơn so với các dạng bài tập khác.

Các em thường lúng túng khi đặt câu lời giải cho phép tính, có nhiều em làm phép tính đúng nhưng không tìm được lời giải đúng hoặc đặt lời giải chưa phù hợp. Một số em mới chỉ đọc đề toán chứ chưa hiểu được đề. Khi trả lời câu hỏi của thầy nêu: Bài toán cho biết gì? Bài toán yêu cầu tìm gì? thì còn lúng túng hoặc trả lời chưa chính xác. Chính vì thế, bản thân tôi đã trăn trở tìm hiểu thực trạng về giải các bài toán có lời văn, tìm tòi nghiên cứu giải pháp, biện pháp thực hiện để nâng cao chất lượng dạy học. Xin được đưa ra “**Một số kinh nghiệm giúp học sinh thực hiện tốt giải toán có lời văn theo bộ sách Cánh diều**” để đồng nghiệp cùng tham khảo và chia sẻ kinh nghiệm.

2. Mục đích nghiên cứu

Nhằm góp phần đổi mới phương pháp dạy học môn Toán ở Tiểu học theo hướng phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của học sinh đồng thời rèn kỹ năng giải toán có lời văn tốt hơn.

3. Đối tượng nghiên cứu

Học sinh lớp ...;

Nghiên cứu tài liệu có liên quan đến sáng kiến;

Nghiên cứu chương trình toán lớp 3 nói chung và toán có lời văn lớp 3 nói riêng;

Nghiên cứu cách dạy của giáo viên cùng khối.

4. Phương pháp nghiên cứu

Phương pháp khảo sát điều tra;

Phương pháp thống kê;

Phương pháp quan sát;

Phương pháp phân tích, tổng hợp;

Phương pháp thực nghiệm sư phạm;

Phương pháp tổng kết rút kinh nghiệm.

II. NỘI DUNG CỦA SÁNG KIẾN KINH NGHIỆM

1. Cơ sở lý luận

Việc giải toán giúp học sinh củng cố, vận dụng và hiểu sâu sắc thêm tất cả các kiến thức về số học, đo lường, đo đại lượng, các yếu tố hình học,... trong chương trình toán lớp 3. Hơn nữa phần lớn các biểu tượng, khái niệm, các quy tắc, các tính chất toán học ở bậc Tiểu học đều được học sinh tiếp thu qua con đường giải toán.

Thông qua nội dung thực tế của các đề toán, học sinh sẽ tiếp nhận được các kiến thức phong phú, đa dạng về cuộc sống. Từ đó có điều kiện để rèn luyện khả năng áp dụng các kiến thức toán đã học cho bản thân mình. Mỗi bài toán là một bức tranh của cuộc sống, khi giải mỗi bài toán học sinh phải biết rút ra từ bức tranh đó cái bản chất của toán học, phải biết lựa chọn những phép tính thích hợp, làm đúng các phép tính đó, biết đặt lời giải chính xác,... Vì thế quá trình giải toán sẽ giúp học sinh rèn luyện khả năng quan sát và giải quyết các hiện tượng của cuộc sống qua con mắt toán học của mình.

Việc giải các bài toán sẽ giúp phát triển trí thông minh, óc sáng tạo và thói quen làm việc một cách khoa học cho học sinh. Bởi vì khi giải các bài toán, học sinh phải biết chú ý tập trung vào bản chất của đề toán, phải biết phân biệt giữa cái đã cho và cái phải tìm, biết phân tích để tìm ra mối quan hệ giữa các số liệu. Nhờ đó mà óc sáng tạo của các em sẽ linh hoạt hơn, tinh tế hơn, chính xác hơn, tư duy làm việc của các em sẽ khoa học, logic hơn,... Điều này không chỉ giúp các em học giỏi môn toán mà còn giúp các em học tốt ở tất cả các môn học khác.

2. Thực trạng của vấn đề trước khi áp dụng sáng kiến kinh nghiệm

2.1. Về phía Giáo viên

Việc dạy học toán cho học sinh còn lệ thuộc nhiều vào sách giáo khoa và sách giáo viên. Chủ yếu cung cấp đủ số lượng các bài tập trong một tiết dạy, chưa chú trọng đi sâu vào việc phân tích, tổng hợp, tìm tòi cách giải bài toán, cách hướng dẫn học sinh từng bước giải. Còn hạn chế trong việc dẫn dắt học sinh quá trình tìm cái ẩn, mối quan hệ giữa cái đã biết và cái chưa biết, giữa các đại lượng,... để từ đó học sinh tìm được đường lối chung giải bài toán, tìm câu trả lời, thực hiện

phép tính tương ứng. Một số giáo viên còn vận dụng chưa linh hoạt các phương pháp dạy học truyền thống nên việc chiếm lĩnh tri thức của học sinh chưa tích cực.

2.2. Về phía Học sinh

Việc tiếp thu kiến thức của học sinh còn lệ thuộc vào người khác, ít động não suy nghĩ tìm tòi cái “ tiềm ẩn” chứa trong bài toán. Các khái niệm, quy tắc, công thức giáo viên đưa ra học sinh có nhiệm vụ ghi nhớ. Học sinh không chuẩn bị đúng mức để hoạt động độc lập, sáng tạo, luôn phụ thuộc vào người khác. Chính vì vậy mà đa số học sinh nắm kiến thức không vững, không sâu, không hiểu được bản chất của vấn đề chỉ biết rập khuôn theo mẫu một cách máy móc, nên có những bài toán chỉ khác mẫu đi một chút hoặc thay dự kiện là học sinh không làm được, nếu làm được thì kết quả cũng không chính xác. Mặt khác ngôn ngữ của các em còn hạn chế nên việc tìm lời giải cho bài toán còn gặp nhiều khó khăn;

Học sinh đọc đề chưa kĩ, chưa có kỹ năng tìm hiểu đề nên hiểu đề chưa sâu, chưa nhận được dạng của bài toán, tóm tắt bài toán chưa đúng, hoặc chưa khoa học.

Phần trình bày lời giải còn sai, chưa hợp lý.

Giải xong bài không thử lại kết quả.

Từ thực trạng trên đã dẫn đến kết quả học tập của học sinh chưa đạt như mong muốn. Tính hiệu quả trong dạy học chưa cao. Nhất là khi gặp những bài toán có lời văn, các em không giải quyết nổi hoặc giải quyết không hợp lý.

Qua việc chấm bài, trao đổi trực tiếp với học sinh, tôi phát hiện được những hạn chế phổ biến của học sinh trong giải toán: Có em đã biết giải đúng (đúng lời giải và phép tính tương ứng). Song có em chỉ thực hiện được phép tính đúng mà lời giải chưa phù hợp hay viết lời giải còn lủng củng, tối nghĩa, thậm chí có em hoàn toàn chưa biết giải bài toán dù là toán đơn hay toán hợp.

Điều tra thực trạng tại lớp tôi cho thấy kết quả như sau:

Tổng số	HS có lời giải và phép tính đúng, trình bày khoa học		HS có lời giải và phép tính đúng, trình bày chưa khoa học		HS có phép tính đúng mà lời giải chưa hợp lý		HS chưa giải được bài toán	
	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL
24 em	8 em	33,3%	6 em	25%	6 em	25%	4 em	16,7%

Như vậy việc dạy và học giải toán có lời văn ở lớp 3 có vai trò cực kỳ quan trọng, đặc biệt là giải toán có đến 2 phép tính (vì đây là dạng toán các em mới tiếp cận). Vì thế để giúp học sinh biết giải toán đúng, giáo viên phải đặt ra yêu cầu cho học sinh đó là biết tìm hiểu đề toán, biết tóm tắt bài toán, biết tìm cách giải và hơn nữa là biết tìm lời giải phù hợp và cuối cùng là biết tự đánh giá kết quả.

3. Các biện pháp đã thực hiện để giải quyết vấn đề.

Để giúp học sinh lớp 3 biết giải toán có lời văn trong sách giáo khoa toán 3 và các bài toán phát triển dựa trên các bài toán đã cho để vận dụng giải các bài toán trong thực tế đời sống, tôi mạnh dạn đưa ra một số biện pháp như sau:

Biện pháp 1: Trang bị quy trình cho các dạng bài tập

1.1. Cung cấp quy trình chung để giải các bài tập theo 4 bước cơ bản sau đây

1.1.1. Tìm hiểu đề toán

Yêu cầu học sinh đọc thật kĩ đề toán. Đây là một bước quan trọng không thể thiếu được trong dạy học toán. Ở bước này giáo viên giúp học sinh tiếp cận với nội dung bài toán, khắc phục khó khăn về ngôn ngữ, biết diễn đạt ngôn ngữ bằng kí hiệu đặc biệt, sau đó xác định 3 yếu tố cơ bản của bài toán:

Dữ kiện (là cái đã cho, đã biết trong đề toán)

Ẩn số (là cái chưa biết, cần tìm)

Điều kiện (là mối quan hệ giữa sự kiện và ẩn số)

Như vậy, ngay từ bước đầu đã bắt buộc học sinh phải phát huy tính linh hoạt của tư duy, sau bước này học sinh tóm tắt được bài toán bằng cách ghi các dữ kiện, điều kiện, ẩn số bằng ngôn ngữ hoặc ký hiệu ngắn gọn, cô đọng nhất.

Ví dụ 1: Hà có 12 chiếc kẹp tóc gắn hoa, 8 chiếc kẹp tóc gắn nơ. Hỏi Hà có số kẹp tóc gắn hoa nhiều hơn số kẹp tóc gắn nơ mấy chiếc? (bài 5 trang 9 sách Cánh diều 3 tập 1)

5 Giải các bài toán sau (theo mẫu):

Mẫu:

Hà có 12 chiếc kẹp tóc gắn hoa, 8 chiếc kẹp tóc gắn nơ.
Hỏi Hà có số kẹp tóc gắn hoa nhiều hơn số kẹp tóc gắn nơ
mấy chiếc?



Bài giải

Hà có số kẹp tóc gắn hoa nhiều hơn số kẹp tóc gắn nơ là:

$$12 - 8 = 4 \text{ (chiếc)}$$

Đáp số: 4 chiếc kẹp tóc.

Ví dụ 2: Ngày thứ nhất đội công nhân làm được 457 m đường, ngày thứ hai đội công nhân đó làm được nhiều hơn ngày thứ nhất 125m đường. Hỏi ngày thứ hai đội công nhân đó làm được bao nhiêu mét đường? (*bài 4 trang 8 sách Cánh diều 3 tập 1*)

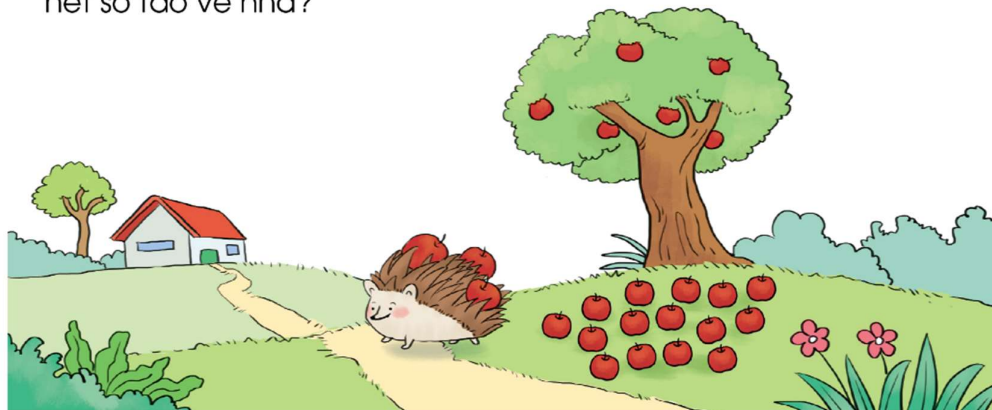
- 4** Ngày thứ nhất đội công nhân làm được 457 m đường, ngày thứ hai đội công nhân đó làm được nhiều hơn ngày thứ nhất 125 m đường. Hỏi ngày thứ hai đội công nhân đó làm được bao nhiêu mét đường?



1.1.2. Tìm đường lối giải

Bước này là bước quan trọng nhất, việc nắm vững nội dung đặc biệt là ba yếu tố cơ bản của bài toán, là yêu cầu đầu tiên khi học sinh tìm hiểu bài toán. Khi

- 4 Nhím con giúp mẹ mang 18 quả táo về nhà. Mỗi chuyến nhím con mang được 3 quả táo. Hỏi nhím con phải đi mấy chuyến để mang hết số táo về nhà?



Dụng ý của bài tập này nhằm giúp học sinh vận dụng tri thức vừa học, lý thuyết mà giáo viên vừa cung cấp thông qua luyện tập thực hành rèn kỹ năng giải toán.

Cách rèn luyện: Để học sinh vận dụng linh hoạt và có sáng tạo cách giải đúng, biết trình bày bài giải giáo viên cần giúp học sinh thấy được phần trừu tượng của bài toán. Tìm số chuyến đi để mang hết táo về nhà, thực hiện phép tính $18 : 3 = 6$, cuối cùng ghi tên đơn vị vào sau kết quả.

Ở phần này, nếu giáo viên không giúp thì sẽ có một số học sinh dễ nhầm lẫn phép tính cộng. Vậy để các em giải đúng theo quy trình đã hướng dẫn, các em làm theo 4 bước sau:

- *Bước 1: Tìm hiểu đề* (Học sinh đọc thật kỹ đề toán)

Hỏi: Bài toán cho biết gì? (Nhím có 18 quả táo, mỗi chuyến nhím chuyên được 3 quả táo.)

Hỏi: Bài toán hỏi gì? (Nhím con phải đi mấy chuyến để mang hết số táo về nhà?)

Học sinh tóm tắt.

- *Bước 2: Tìm đường lối giải*

Muốn tìm số chuyến để mang hết táo về nhà ta phải làm như thế nào? Học sinh thực hiện phép tính ($18 : 3 = 6$)

- *Bước 3: Trình bày bài giải*

Bài giải

Số chuyến đi để mang hết táo về nhà là:

$$18 : 3 = 6$$

Đáp số: 6 chuyến

- *Bước 4: Kiểm tra, đánh giá*

Thử lại: $18 : 3 = 6$; $6 \times 3 = 18$, $18 : 3 = 6$ (đúng)

Dựa vào bài toán trên (VD1), tôi có thể thay đổi dữ kiện để biến đổi thành một số bài toán mới nhằm phát triển được kỹ năng giải toán, kỹ năng vận dụng, kỹ năng suy nghĩ linh hoạt của học sinh để hình thành kỹ xảo giải toán.

Bài toán mới: Nhím con giúp mẹ mang 20 quả táo về nhà. Mỗi chuyến nhím con mang được 4 quả táo. Hỏi nhím con phải đi mấy chuyến để mang hết số táo về nhà?

Ví dụ 2: (Bài số 4 trang 43 sách Cánh Diều tập 1)

- 4** Anh Hưng nuôi 48 con chim bồ câu trong các chuồng, mỗi chuồng có 6 con. Hỏi anh Hưng có bao nhiêu chuồng chim bồ câu?



Anh Hưng nuôi 48 con chim bồ câu trong các chuồng, mỗi chuồng có 6 con. Hỏi anh Hưng có bao nhiêu chuồng chim bồ câu?

Dụng ý của bài tập này: Giúp học sinh biết thao tác giải toán theo các bước giải, biết trình bày bài giải đúng, nhanh, chính xác.

Học sinh nhận diện bài toán thuộc dạng toán nào? (Dạng toán phép chia 6). So với các bài toán đã giải bài toán này có điểm nào giống nhau? (Số “hiện có”;

số “lấy ra” là 2 thuật ngữ mang nghĩa toán học tương đương mà ở đây đều được chọn là phép tính chia).

Anh Hưng nuôi 48 con chim bồ câu trong các chuồng, mỗi chuồng có 6 con.
Hỏi anh Hưng có bao nhiêu chuồng chim bồ câu?

- *Bước 1: Học sinh đọc kĩ đề toán, phân tích đề, tóm tắt bài toán.*

Tóm tắt:

Có mấy chim bồ câu? (48 con)

Mỗi chuồng có: 6 con

- *Bước 2: Tìm đường lối giải*

Hỏi: Muốn tìm số chuồng chim bồ câu ta phải làm như thế nào? (HS chọn phép tính và thực hiện: $48 : 6 = 8$ (chuồng)) (HS thực hành trên giấy nháp)

- *Bước 3: Trình bày bài giải*

Bài giải

Số chuồng chim bồ câu là :

$$48 : 6 = 8 \text{ (chuồng)}$$

Đáp số: 8 chuồng.

- *Bước 4: Thử lại:*

$$48 : 6 = 8; 8 \times 6 = 48; 48 : 6 = 8 \text{ (đúng)}$$

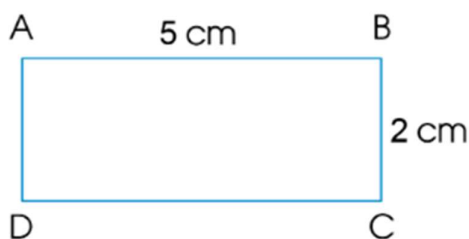
Như vậy qua ví dụ 2 học sinh đã biết vận dụng quy trình giải bài toán có đầy đủ câu lời giải, phép tính tương ứng đúng theo 2 bước giải.

Dạng 2: Giải các bài toán có nội dung hình học

Các bài toán trong dạng này dụng ý nhằm giúp các em biết cách giải bài toán có liên quan về hình học. Thông qua rèn luyện thực hành để phát triển năng lực học toán, giải được các bài toán trong SGK và trong đời sống thực tiễn (về cách tính chu vi của một số hình học).

Ví dụ 1: (Bài số 1, trang 111 sách Cánh Diều tập 1)

1. Chu vi hình chữ nhật



Một hình chữ nhật có chiều dài 5m, chiều rộng 2m. Tính chu vi hình chữ nhật đó?

Dụng ý của bài toán này: Nhằm vận dụng quy tắc tính chu vi hình chữ nhật cho học sinh; Học sinh thành thạo giải toán thông qua luyện tập thực hành; hiểu được mối quan hệ giữa các đơn vị đo.

- *Bước 1: Tìm hiểu đề:* Học sinh đọc kĩ đề toán

Hỏi: Bài toán cho biết những gì? (Số đo của các cạnh, chiều dài: 5m; chiều rộng: 2 m)

Hỏi: Bài toán yêu cầu gì? (Tính chu vi hình chữ nhật đó)

Tóm tắt: Chiều dài: 5 m

Chiều rộng: 2 m

Chu vi hình chữ nhật: ...? m

- *Bước 2: Tìm đường lối giải*

Hỏi: Muốn tính được chu vi của hình chữ nhật (HCN) ta làm thế nào? (lấy số đo chiều dài cộng với số đo chiều rộng rồi nhân với 2) lưu ý cùng một đơn vị đo.

Từ công thức tính chu vi hình chữ nhật $(a + b) \times 2$, giáo viên có thể giúp học sinh vận dụng thành thạo cách tính và tìm lời giải đúng, chính xác, phù hợp với yêu cầu của đề toán đặt ra.

- *Bước 3: Trình bày bài giải*

Bài giải

Chu vi hình chữ nhật đó là

$$(5 + 2) \times 2 = 14 \text{ (m)}$$

Đáp số: 14m

TOPSKKN

TÀI MẪU LIÊN HỆ



0833 206 833



CÚ PHÁP: **MÃ SKKN**

(Khách lưu ý không gửi tên đề tài)



PHÍ TẢI: 200K/Mã (Bao gồm word + powerpoint)



PHÍ RIÊNG WORD: 100K



NEW

UPDATE

THÔNG TIN HỎI ĐÁP:

THÔNG TIN HỎI ĐÁP:

Bạn còn nhiều thắc mắc hoặc muốn tìm kiếm thêm nhiều tài liệu sáng kiến kinh nghiệm mới mẻ khác của Trung tâm TOPSKKN

Liên hệ dịch vụ viết thuê sáng kiến kinh nghiệm

Hoặc qua SĐT Zalo: **0833 206 833** hoặc email: Topskkn@gmail.com để được trợ giúp sớm nhất.